

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 -12 - 2022

V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà **Bùi Thị Thiết**

2. Ông **Bùi Thanh Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Thành Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 01/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1985.

ĐKNKTT và cư trú: Xóm B, xã Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn : Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1985.

ĐKNKTT: Xóm B, xã Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 14/10/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn H, sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau khi chung sống có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Q. Nay là Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 02/7/2004. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm B, xã Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình một thời gian ngắn thì ra ở riêng tại căn nhà tạm gia đình bên nội làm

cho nhưng anh H quấy phá không ở được nên vợ chồng lại chuyển về nhà ngoại sống cũng tại xóm B, xã Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu đã nảy sinh mâu thuẫn; luôn cãi cọ chửi bới nhau. Chị H cho rằng: Trong cuộc sống vợ chồng luôn xung khắc, anh H không chịu tu chí làm ăn; suốt ngày chỉ rượu chè bê tha, say sỉn và có biểu hiện loạn thần do rượu; anh H thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con; còn ghen tuông vô cớ. luôn tìm cớ chửi bới, đánh đập vợ con không có kinh tế, không làm ăn đỡ đần cho chị chăm sóc nuôi dưỡng con. Nhà anh không ở, không thèm để ý đến vợ con, thường xuyên đi thâu đêm đến sáng. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh H không thay đổi. Chị cũng nhờ bố mẹ, gia đình hai bên nội ngoại khuyên giải, dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H cũng vẫn không thay đổi, không thêm quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị như thế nào; không đóng góp chu cấp và sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Chị gửi con cho bà ngoại đi làm thuê từ năm 2012, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị H gửi đơn yêu cầu xin được ly hôn anh H để giải phóng cho nhau. Về con chung: Có 02 con là Bùi Thị T, sinh ngày 11/11/2004 và Bùi Quang Th, sinh ngày 23/02/2011. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con và chưa yêu cầu anh H đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung chị không ngăn cản. Về tài sản chung, Công nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Vì phía bị đơn anh Bùi Văn H đã được triệu tập ra tòa làm việc, Tòa đã báo về phiên họp tiếp cận, giao nộp và công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh H có biết việc chị H gửi đơn ra Tòa để xin ly hôn; Biết Tòa thông báo và triệu tập đến làm việc nhưng không hợp tác, không đến Tòa giải quyết. Để giải quyết vụ án, chị H đã có đơn đề nghị không cần lấy lời khai hay tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tiến hành hòa giải nữa.

Chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Bùi Văn H cố tình trốn tránh nên Tòa đã tiến hành tổng đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Bùi Văn H vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tổng đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tổng đạt cho anh Bùi Văn H theo pháp luật: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, anh Bùi Văn H vẫn vắng mặt không có lý do.

Như vậy: Anh Bùi Văn H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn lần thứ hai vẫn không có mặt không có lý do nhưng theo quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có cơ sở.

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị H là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị H và anh H là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị H được ly hôn anh H. Về con chung cần áp dụng quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật: Cháu T và cháu Th đã lớn có nguyện vọng xin ở với mẹ; các cháu hiện đang ở với mẹ và được mẹ chăm lo đầy đủ và vì anh H cố tình trốn tránh không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên: Giao cháu T và cháu Th cho mẹ trực tiếp chăm sóc giáo dục là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Bùi Thị H và bị đơn anh Bùi Văn H cùng trú tại xóm B, xã Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên chị H khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh H là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Nay là Nh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh H thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Năm 2012, chị H gửi con cho mẹ đi làm thuê, sinh sống, làm việc những mong anh H sửa đổi quay về đoàn tụ gia đình nhưng anh H vẫn không quan tâm đoái hoài đến gia đình, vợ con; Vợ chồng ly thân từ năm 2012, xác định: Tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo cho tương lai chị có yêu cầu xin được ly hôn anh Bùi Văn H.

Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H được xác định là hôn nhân hợp pháp, từ sau khi kết hôn, vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, anh H đã không có giải pháp gì để chị H tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ năm 2012 mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn.

Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để

xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H có 01 con là Bùi Thị T, sinh ngày 11/11/2004 và Bùi Quang Th, sinh ngày 23/02/2011. Quá trình giải quyết, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và chưa yêu cầu anh H đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Các con chị, hiện vẫn sinh sống cùng chị và chị vẫn cho con ăn học đầy đủ và có cuộc sống khá tốt. Chị có việc làm và thu nhập ổn định khoảng 8.000.000đ/tháng đủ để đảm bảo cho con ăn học. Chị đề quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh H mà không ngăn cản.

Xét: Anh Bùi Văn H, là bố đã không đến Tòa, đã từ bỏ quyền nuôi con và việc giao con cần phải giao mẹ. Hiện cháu Bùi Thị T, sinh ngày 11/11/2004 và Bùi Quang Th, sinh ngày 23/02/2011 đều có nguyện vọng xin ở mẹ, các cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và hiện tại cả hai cháu đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc tốt. Bởi vậy, nên giao con Bùi Thị T, sinh ngày 11/11/2004 và Bùi Quang Th, sinh ngày 23/02/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và chấp nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu đồng thời xác định không có nợ chung nên không đề cập xử lý.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn H.

- Về con chung : Giao con Bùi Thị T, sinh ngày 11/11/2004 và Bùi Quang Th, sinh ngày 23/02/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn H phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0003030 ngày 14/10/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét xử hoặc kết quả bản án được niêm yết

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Nh-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

-

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Bùi Đình Dũng